

# GIA TĂNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM XUẤT KHẨU THÀNH PHỐ CẦN THƠ: THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP

ThS. Trần Thế Như Hiệp, PGS. TS. Quan Minh Nhật  
ThS. Nguyễn Thị Thảo Nguyên, ThS. Nguyễn Minh Toại

## **Tóm tắt**

Công nghiệp chế biến của thành phố Cần Thơ là một trong những ngành chủ lực nhưng có xu hướng giảm sút từ năm 2013; các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của thành phố như thủy sản và gạo đang phải cạnh tranh và gặp khó khăn ở nhiều thị trường mới và truyền thống, làm ảnh hưởng đến tính bền vững. Định hướng phù hợp trong thời gian tới là tăng các sản phẩm mới và sản phẩm có giá trị gia tăng trong cơ cấu sản phẩm xuất khẩu. Các giải pháp chung trong chỉ đạo điều hành của thành phố và nhóm giải pháp riêng cho các ngành hàng chủ lực cần thực hiện gồm (i) thay thế công nghệ lạc hậu bằng công nghệ hiện đại để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn; (ii) đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ đối với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu; và (iii) tạo dựng thương hiệu, nâng cao năng lực quản lý, năng lực phát triển thị trường xuất khẩu để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm xuất khẩu của TPCT.

**Từ khóa:** công nghiệp chế biến, xuất khẩu, giá trị tăng thêm

## **Abstract**

The processing industry of Can Tho City is one of the main industries but tends to decline from 2013; the main export product such as seafood and rice are faced to challenges in new and traditional export markets, that affected sustainable development. The suitable orientation in future is making more new products and added-value export products. The general solutions and individual solutions for main export product include: (i) replacing the backward technologies with modern technologies in order to make higher added-value products; (ii) investing to upgrade and renew technologies of small-scale export processing enterprises; and (iii) developing brand-name, management capacity, export market to increase competitiveness of export products.

**Keywords:** processing industry, export, value-added

## **1. Đặt vấn đề**

Công nghiệp chế biến là ngành công nghiệp chủ lực (chiếm đến 67,30%<sup>1</sup> tổng giá trị sản xuất công nghiệp). Giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu của thành phố chiếm 41,47% trong cơ cấu GRDP (xuất khẩu hàng hóa chiếm 33,22% GRDP) theo giá hiện hành<sup>2</sup>. Các số liệu này cho thấy xuất khẩu có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế của thành phố Cần Thơ (TPCT). Điều đáng quan ngại xuất khẩu của TPCT có xu hướng giảm sút từ năm 2013 và đến năm 2016 chỉ đạt không quá 60% so với kế hoạch; các mặt hàng chủ lực của thành phố như thủy sản và gạo đang phải cạnh tranh về giá khá gay gắt với Thái Lan, Ấn Độ và Indonesia và gặp khó khăn tại các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp xuất khẩu cũng đối mặt với thách thức như thiếu thông tin dự báo về giá, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm chưa đạt chuẩn quốc tế nên khó vượt qua các rào

<sup>1</sup> Niên giám thống kê TPCT năm 2015

<sup>2</sup> GRDP giá hiện hành: 82.379,2 tỷ đồng; Tổng kim ngạch XK: 1.553,11 triệu USD ~ 34.168 tỷ đồng.

cản phi thuế quan,.. hơn nữa doanh nghiệp xuất khẩu cũng đang phải đối mặt với những khó khăn nội tại như trình độ công nghệ còn lạc hậu; thiếu chiến lược kinh doanh xuất khẩu; thiếu vùng nguyên liệu ổn định,..

Để đạt được mục tiêu phát triển lĩnh vực xuất khẩu của thành phố trong dài hạn, cần phải nghiên cứu, xây dựng lộ trình và giải pháp nâng cao giá trị sản phẩm xuất khẩu theo hướng tập trung đổi mới công nghệ, tạo ra nhiều sản phẩm giá trị gia tăng, phát triển thị trường và ổn định, nâng cao chất lượng vùng nguyên liệu; đồng thời giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách, phát triển logistics,..

Bài viết sử dụng các số liệu và kết quả nghiên cứu của Đề án Gia tăng giá trị xuất khẩu của thành phố Cần Thơ do Viện Kinh tế xã hội TPCT, Khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ và Sở Công Thương TPCT phối hợp thực hiện.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1 Phương pháp tiếp cận và số liệu sử dụng

Nghiên cứu gia tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu của TPCT sử dụng cách tiếp cận chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng; kết hợp với tiếp cận phân tích định tính và định lượng từ các số liệu điều tra khảo sát, phân tích ý kiến chuyên gia. Số liệu được sử dụng bao gồm (i) số liệu thứ cấp: niên giám thống kê của TPCT, số liệu thống kê kinh tế xã hội và số liệu xuất nhập khẩu giai đoạn 2013-2017 của Sở Công Thương TPCT; (ii) số liệu sơ cấp: khảo sát 120 doanh nghiệp xuất khẩu trong các lĩnh vực (lúa gạo, thủy sản, nông sản và may mặc), phỏng vấn chuyên sâu 30 doanh nghiệp và chuyên gia để xây dựng các ma trận định lượng, đánh giá giải pháp, lộ trình, danh mục ưu tiên.

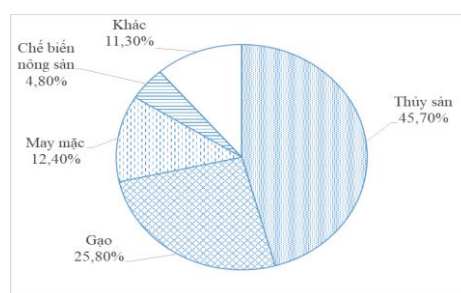
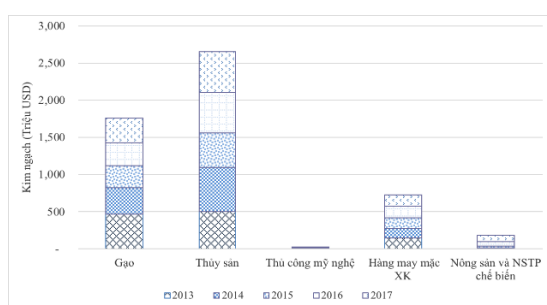
### 2.2 Phương pháp phân tích số liệu

Các phương pháp phân tích được sử dụng trong nghiên cứu gồm: thống kê mô tả, so sánh, phân tích hồi quy và xây dựng các ma trận EFE, IFE, SWOT, QSPM.

## 3. Thực trạng lĩnh vực xuất khẩu của TPCT

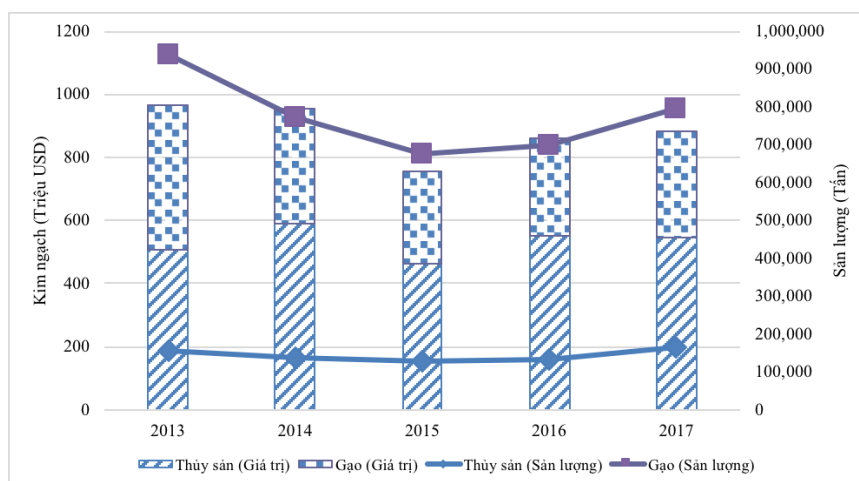
### 3.1 Giá trị kim ngạch, sản lượng và cơ cấu thị trường xuất khẩu

Xuất khẩu của TPCT nhiều năm qua tập trung vào ngành hàng thủy sản và ngành gạo. Kim ngạch xuất khẩu đến từ ngành hàng thủy sản và ngành gạo chiếm tỷ lệ rất lớn, với hơn 70% trong cơ cấu. Mặc dù hai ngành hàng này đều là các mặt hàng lợi thế, mang lại giá trị kinh tế cho thành phố trong một thời gian dài, nhưng hiện tại so với mặt bằng chung của cả nước và thế giới thì hai ngành hàng này có giá trị gia tăng không cao và không ổn định.



## Hình 1: Giá trị kim ngạch và cơ cấu các ngành chủ lực của TPCT

Nguồn: Số liệu thứ cấp của Sở Công Thương TPCT



## Hình 2: Sản lượng các ngành chủ lực của TPCT

Nguồn: Số liệu thứ cấp của Sở Công Thương TPCT

Sản lượng của các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của TPCT tiêu biểu là thủy sản, gạo có sự biến động về giá trị kim ngạch và sản lượng trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017. Cụ thể, giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt cao nhất vào năm 2014 với giá trị kim ngạch đạt gần 600 triệu USD, thấp nhất vào năm 2015 và các năm sau đó dao động quanh ngưỡng trên 550 triệu USD, tuy nhiên giá trị sản lượng thủy sản luôn được duy trì vào dao động quanh mức 200.000 tấn. Trong khi đó, giá trị kim ngạch xuất khẩu gạo lại có biến động khá lớn, cao nhất ở năm 2013 với hơn 200 triệu USD giảm mạnh vào năm 2015 và có dấu hiệu phục hồi ở hai năm 2016 và 2017; số liệu ở Hình 2 cũng cho thấy sự sụt giảm của giá trị sản lượng xuất khẩu gạo trong giai đoạn 2013-2017 (giảm thấp ở năm 2015 và đã có dấu hiệu tăng trưởng trở lại vào năm 2017). Đặc biệt là ngành chế biến nông sản bắt đầu có sự gia tăng trong cơ cấu với giá trị xuất khẩu năm 2016 đạt 58 triệu USD, vượt 3 lần kế hoạch năm. Vì vậy, Cần Thơ có thể quan tâm thu hút đầu tư phát triển ngành hàng mới này nhiều hơn và cần gắn kết với quy hoạch sản xuất ngành nông nghiệp để sản lượng nông sản (đặc biệt là trái cây) sản xuất đủ cung ứng cho thị trường nội địa và chế biến xuất khẩu.

Về thị trường, sản phẩm xuất khẩu của TPCT đã xuất sang hơn 100 quốc gia ở cả năm Châu lục là Châu Á, Châu Âu, Châu Phi, Châu Mỹ và Châu Úc. Các thị trường truyền thống có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao của TPCT gồm Nhật Bản, Mỹ, Brazil, Ai Cập, Pháp, Thái Lan... (thủy sản); Trung Quốc, Philipine, Singapore, Malaysia, Mỹ, Hồng Kong, Ghana (gạo); Dubai (nông sản chế biến); Nhật Bản, Mỹ,.. (may mặc), số liệu minh họa ở Hình 3.



**Bảng 1: Kinh doanh xuất khẩu của 3 lĩnh vực tiêu biểu của các DN TPCT**

	Năm	Thủy sản		Nông sản CB		Gạo	
		BQ	±	BQ	±	BQ	±
<b>Số doanh nghiệp khảo sát</b>		<b>37</b>		<b>15</b>		<b>29</b>	
Doanh thu gộp (tỷ đồng)		374,5	371,5	13,6	5,9	277,8	167,2
Chi phí gộp (tỷ đồng)		330,6	333,1	11,9	5,2	246,2	152,9
Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	2014	13,1	5,8	12,8	5,5	12,0	6,3
Doanh thu xuất khẩu (tỷ đồng)		374,5	371,5	13,6	5,9	277,8	167,2
Tỷ lệ đầu tư cho R&D /Doanh thu (%)		0,4	1,9	0,0	0,0	0,0	0,0
Doanh thu gộp (tỷ đồng)		290,2	306,3	22,3	9,7	244,8	138,2
Chi phí gộp (tỷ đồng)		251,9	263,5	19,1	8,2	215,2	125,6
Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	2015	13,0	7,0	14,1	6,1	12,4	7,5
Doanh thu xuất khẩu (tỷ đồng)		290,2	306,3	22,3	9,7	244,8	138,2
Tỷ lệ đầu tư cho R&D /Doanh thu (%)		0,3	1,2	0,0	0,0	1,0	1,8
Doanh thu gộp (tỷ đồng)		298,3	314,8	47,7	20,7	212,9	105,9
Chi phí gộp (tỷ đồng)		255,9	267,7	40,4	17,4	184,8	94,2
Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	2016	14,0	7,0	15,1	6,1	13,4	7,5
Doanh thu xuất khẩu (tỷ đồng)		298,3	314,9	47,7	20,7	212,9	105,9
Tỷ lệ đầu tư cho R&D /Doanh thu (%)		0,3	1,2	0,0	0,0	0,9	1,8

*Nguồn: số liệu khảo sát 120 doanh nghiệp năm 2018*

Trong khi đó, lĩnh vực chế biến xuất khẩu nông sản lại có sự gia tăng rất mạnh. Cụ thể, doanh thu xuất khẩu gộp từ năm 2014 là 203 tỷ đồng, đến năm 2016 đã đạt mức 714 tỷ đồng. Tốc độ tăng giữa năm 2014 và 2015 là 64,07% và giữa 2 năm 2015-2016 là 114,72%. Các số liệu thứ cấp của ngành Công thương cũng cho thấy lĩnh vực này đang có xu hướng phát triển rất tích cực. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu của lĩnh vực này cũng đạt giá trị khá cao; tương ứng là 192,2; 212,1 và 227,1 vào các năm 2014, 2015 và 2016. Điều này cho thấy, trong thời gian tới, thành phố Cần Thơ có thể chọn lựa lĩnh vực này để đầu tư, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm xuất khẩu thay cho các lĩnh vực truyền thống là gạo và thủy sản đã dần mất đi lợi thế cạnh tranh.

Đối với các ngành khác bao gồm da giày, dược và thuốc thú y, thép, xi măng và dịch vụ xuất nhập khẩu,... có tốc độ tăng trưởng nhẹ, tuy nhiên các lĩnh vực này có tỷ trọng xuất khẩu thấp, doanh thu xuất khẩu chỉ ở mức 20-30% so với doanh thu gộp của ngành.

### **3.3 Tính cạnh tranh và đầu tư, đổi mới công nghệ của DN xuất khẩu**

Kết quả khảo sát năm 2018 ghi nhận: nguồn nhập khẩu công nghệ/thiết bị có sự khác nhau giữa các lĩnh vực ngành. Theo đó, công nghệ/thiết bị của ngành gạo chủ yếu nhập từ Việt Nam, Nhật và Trung Quốc; công nghệ ngành thủy sản chủ yếu nhập từ Nhật, Mỹ; công nghệ của ngành chế biến nông sản chủ yếu nhập từ Trung Quốc. Có 14% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng công nghệ/thiết bị đang sở hữu ở mức ngang bằng (bình thường) so với thế giới, 24% lạc hậu hơn thế giới và có đến 74% không đánh giá được. Các doanh nghiệp cho rằng để chế biến, xuất khẩu sản phẩm thô (phile, cắt đầu, cắt khúc, nguyên con,...) thì công nghệ hiện tại là phù hợp, tuy nhiên để chế biến, xuất khẩu sản

phẩm tinh (có hàm lượng chế biến sâu, giá trị gia tăng cao) thì cần phải chuyển đổi công nghệ/thiết bị để phù hợp hơn. Về tình hình nâng cấp, đổi mới thiết bị/công nghệ lạc hậu để nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, ghi nhận có 13,3% doanh nghiệp đã nâng cấp; 38,4% doanh nghiệp đang nâng và 48,3% cho rằng sắp tới sẽ nâng cấp thiết bị/công nghệ.

Kết quả khảo sát cũng ghi nhận: đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm và đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp khá thấp, chỉ ở mức 0,4%/doanh thu; hầu hết các doanh nghiệp đều cho rằng không đầu tư.

### 3.4 Các rào cản của các doanh nghiệp xuất khẩu

Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp đối với các rào cản trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Bảng 2: Các rào cản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xuất khẩu**

Nội dung rào cản	Mức độ tác động
Tiếp cận nguồn vốn	4,04
Chi phí thuê đất	3,87
Thiếu hệ thống logistics	3,77
Thiếu lao động đáp ứng yêu cầu của DN	3,13
Thiếu đầu vào sản xuất	3,12
Chính sách thuế	3,09
Cạnh tranh của doanh nghiệp nước ngoài	2,50
Định mức thuế và quản lý thuế	2,50
Trình độ công nghệ hiện tại	2,18
Lạm phát cao và biến động thất thường	2,15
Chính sách điều hành kinh tế không ổn định	2,13
Hệ thống pháp lý và giải quyết tranh chấp	2,13

Ghi chú: điểm bình quân là giá trị trung bình của tác động, 1 là thấp nhất và 5 là cao nhất

*Nguồn: Số liệu khảo sát 120 doanh nghiệp năm 2018*

Kết quả khảo sát ghi nhận các rào cản được doanh nghiệp quan tâm là tiếp cận nguồn vốn, chi phí thuê đất, thiếu hệ thống logistics, thiếu lao động đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, thiếu đầu vào sản xuất và chính sách thuế,... (Bảng 2). Điều này cho thấy, thành phố Cần Thơ cần tập trung hỗ trợ giải quyết các khó khăn này để doanh nghiệp gia tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu trong thời gian tới.

### 3.5 Tình hình tham gia chuỗi cung ứng

Đối với khâu đầu vào: nguyên liệu sản xuất các sản phẩm xuất khẩu chủ lực (gạo, cá tra và nông sản chế biến) từ hai nguồn chính là tự sản xuất hoặc mua gom (tỉ lệ này tương ứng là 5,8% và 61,7%); các sản phẩm may mặc và da giày, xi măng, thép và phân bón hóa chất nhập khẩu khoảng 20% nguyên liệu. Khó khăn đang gặp phải là nguồn nguyên liệu thu gom có chất lượng không đồng đều do nông dân sử dụng nguồn giống bị lai tạp, trộn lẫn nhiều loại lúa trước khi bán, bảo quản sau thu hoạch kém,... Mặc dù, thời gian qua số lượng cánh đồng lớn của thành phố tăng mạnh nhưng tỷ lệ thu mua trực tiếp từ các hợp đồng sản xuất bao tiêu và các hợp tác xã, các cánh đồng lớn khá thấp.

Đối với khâu sản xuất chế biến: chủ yếu là chế biến sản phẩm thô do công nghệ lạc hậu; nhiều doanh nghiệp cho rằng đang gặp khó khăn trước yêu cầu đổi mới công nghệ để tạo ra các sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng cao như collagen, surimi,... do khó tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, phải vay ngắn hạn, lãi suất cao.

Đối với khâu xúc tiến thương mại và phát triển thị trường xuất khẩu: chủ yếu dựa trên mối quan hệ từ khách hàng truyền thống. Mặc dù thành phố có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường mới, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia nhiều hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế nhưng doanh nghiệp vẫn khó khăn khi tiếp cận các thị trường tiềm năng mới.

Đối với vai trò của các tác nhân hỗ trợ chuỗi: chính quyền địa phương, Chính phủ và các Bộ ngành có rất nhiều chính sách hỗ trợ tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập.

Nhận định chung, nhiều doanh nghiệp cho rằng, hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay chưa có sự liên kết giữa các khâu trong chuỗi (cả chuỗi giá trị lẫn chuỗi cung ứng), thậm chí nhiều doanh nghiệp còn cho rằng chỉ quan tâm đến việc bán được hàng, ít quan tâm đến việc sản phẩm hàng hóa của đơn vị mình sản xuất ra lưu thông như thế nào trong chuỗi cung ứng.

### **3.6 Quản lý nhà nước và hỗ trợ kinh doanh xuất khẩu của TPCT**

Để hỗ trợ xuất khẩu nói chung, TPCT đã thực hiện các biện pháp như:

- Chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cần Thơ cho mở thêm nhiều điểm thu đổi ngoại tệ trên địa bàn thành phố tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp.

- Tổ chức đoàn công tác nắm tình hình hoạt động, nhu cầu vay vốn, hỗ trợ thủ tục C/O,.. kịp thời giải quyết khó khăn của các doanh nghiệp.

- Hỗ trợ khó khăn của doanh nghiệp xuất gạo khi thực hiện Nghị định số 109/2010/NĐ-CP; đồng thời kiến nghị Chính phủ điều chỉnh các nội dung không còn phù hợp để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chỉ đạo các địa phương liên kết sản xuất, đảm bảo chất lượng nguyên liệu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối với tùy viên, tham tán thương mại các nước; giới thiệu đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến làm việc với doanh nghiệp Cần Thơ, phối hợp phổ biến tuyên truyền các thông tin về các Hiệp định thương mại tự do.

## **4. Định hướng và giải pháp chuyển đổi xuất khẩu theo hướng gia tăng giá trị**

### **4.1 Định hướng xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng**

Với quan điểm phát triển bền vững lĩnh vực xuất khẩu, TPCT cần chọn lựa 03 phương án mang tính định hướng, bao gồm:

(i) Phương án 1: định hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm xuất khẩu dựa theo tỉ trọng hiện tại và thị trường tiềm năng. Với phương án này các nguồn lực của TPCT sẽ được tập

trung vào việc phát triển các ngành mới, các lĩnh vực mới hoặc tăng cường đầu tư vào một hoặc nhiều ngành. Cụ thể kịch bản này là giảm tỉ trọng trong cơ cấu của ngành thủy sản và gạo để chuyển dần các nguồn lực đầu tư cho các ngành khác có lợi thế hơn chẳng hạn như chế biến nông sản hoặc các ngành mới khác.

(ii) Phương án 2: định hướng chuyển đổi cơ cấu thị trường xuất khẩu trên cơ sở lựa chọn các thị trường tiềm năng và rút lui dần các thị trường có nhiều rào cản và lệ thuộc. Với phương án này xuất khẩu của thành phố sẽ giảm dần sự lệ thuộc của các thị trường truyền thống như Trung Quốc, Châu Âu; đồng thời xem xét rút dần các thị trường có rào cản và bảo hộ thương mại nghiêm ngặt đối với một số sản phẩm như cá tra ở Mỹ, chuyển dần sang các thị trường tiềm năng như UAE.

(iii) Phương án 3: định hướng tăng các sản phẩm mới và sản phẩm có giá trị gia tăng trong cơ cấu sản phẩm xuất khẩu. Với phương án này các nguồn lực của TPCT sẽ được tập trung theo hướng đổi mới sản phẩm xuất khẩu, kết hợp với việc tăng kiểm soát chất lượng nguyên liệu và chất lượng sản phẩm xuất khẩu để vừa có thể vượt qua rào cản vừa có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường; thay thế dần các sản phẩm truyền thống như cá tra, tôm chế biến thô sang chế biến tinh và chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và chọn lựa các nguyên liệu thay thế khác từ cá đồng tự nhiên như cá rô phi đơn tính, cá rô đầu vuông, cá lóc,...

Nhiều ý kiến chuyên gia đã lựa chọn phương án 3 là phương án khả thi và mang lại hiệu quả cao nhất. Cụ thể đối với từng ngành hàng:

- Ngành hàng thủy sản: thay thế các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp (cá tra thô nguyên con hoặc cắt khúc, tôm nguyên con,...) bằng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như surimi, cá tra (thịt trắng) phile, chả cá tra, khô cá tra, trứng cá đóng hộp và, nước uống collagen, EPH (nguyên liệu chính từ cá tra),... trên cơ sở tận dụng hệ thống công nghệ, cơ sở hạ tầng và công nghiệp hỗ trợ từ TP. HCM; đồng thời xuất khẩu các sản phẩm cá đồng tự nhiên như cá lóc, cá rô đầu vuông.

- Ngành hàng gạo: thay thế các sản phẩm gạo thông thường (không phân loại và phân khúc thị trường) bằng các sản phẩm gạo đặc sản, gạo chất lượng cao và các sản phẩm chế biến tinh từ gạo như bánh, hủ tiếu, nguyên liệu ngành hóa dược, thực phẩm chức năng từ cám, gạo.

- Ngành nông sản và nông sản chế biến tập trung xuất khẩu nguyên liệu tươi và đóng hộp (chúng loại, số lượng và tiêu chuẩn tùy thị trường), chẳng hạn như các loại trái cây thanh long, nhãn, sầu riêng, dưa hấu, măng cụt, xoài, dứa, chanh, chuối,...; mè và cây có hạt chứa dầu; các loại rau màu như bắp non, nấm, đậu, các loại trái cây; các sản phẩm bắp cải, cà tím, rau diếp, cải thảo, bí, đậu, táo, cà rốt, cải xông và trái cây phù hợp với thị trường UAE.



## **4.2 Giải pháp giải pháp chuyển đổi xuất khẩu theo hướng gia tăng giá trị**

### **4.2.1 Nhóm giải pháp chung**

Để thực hiện mục tiêu chuyển đổi xuất khẩu theo hướng gia tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu, trước hết TPCT và các doanh nghiệp cần phải tập trung (i) thay thế phương thức sản xuất/công nghệ lạc hậu<sup>3</sup> bằng các phương thức sản xuất/công nghệ hiện đại để tạo ra sản phẩm tinh, giá trị gia tăng cao hơn; (ii) đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ đối với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu; và (iii) tạo dựng thương hiệu, nâng cao năng lực quản lý, năng lực phát triển thị trường xuất khẩu để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm xuất khẩu của TPCT. Để thực hiện được mục tiêu này, các giải pháp chung cần thực hiện gồm:

- Đối với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu, cần quan tâm đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm chế biến tinh; đăng ký các tiêu chuẩn kiểm định sản phẩm phù hợp với thông lệ quốc tế và phù hợp với từng thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, cần xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn (lựa chọn chiến lược sản phẩm và chiến lược thâm nhập phù hợp với từng thị trường và khả năng của doanh nghiệp); đồng thời xây dựng thương hiệu và tối đa hóa giá trị sản phẩm xuất khẩu bằng cách áp dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại.

- Đối với TPCT, cần xây dựng chính sách thu hút nhà đầu tư nước ngoài để giữ vai trò dẫn dắt đối với các ngành hàng mới, tiềm năng (như nông sản chế biến, logistics và công nghiệp hỗ trợ), các sản phẩm giá trị gia tăng mới (như surimi, phile cá tra thịt trắng, chả cá tra, khô cá tra, trứng cá đóng hộp, nước uống collagen, EPH); triển khai các chương trình hỗ trợ chuyên biệt các nguồn lực vốn, công nghệ và nhân lực cho các ngành hàng chủ lực truyền thống thủy sản, gạo để giảm chi phí, tăng cạnh tranh.

Tài trợ vốn, hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư công nghệ, thâm nhập thị trường, xây dựng vùng nguyên liệu cho các doanh nghiệp xuất khẩu thông qua các hình thức liên kết với các quỹ đầu tư mạo hiểm (IDG Ventures Vietnam, Cyber Agent Ventures, Mekong Capital, FPT Ventures, Golden Gate Venture) ưu đãi lãi suất, nâng hạn mức vốn vay.

Thành lập Trung tâm đầu mối dịch vụ xuất khẩu tổ chức thực hiện các khâu đóng gói, vận chuyển, giao nhận quốc tế (trên cơ sở phát huy lợi thế của cảng hàng không quốc tế Cần Thơ và cảng biển nước sâu Cái Cui gắn kết với các cảng vệ tinh trong khu vực ĐBSCL) từng bước hình thành chuỗi cung ứng logistics của TPCT. Đồng thời xây dựng Trung tâm kiểm định nguyên liệu và sản phẩm xuất khẩu đạt chuẩn quốc tế (trên cơ sở nâng cấp, bổ sung chức năng từ Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng hiện có) để phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và vùng ĐBSCL.

---

<sup>3</sup> Chỉ có một số rất ít sử dụng dây chuyền chế biến hiện đại đạt từ 25%-30%, trong khi trung bình các nước ASEAN đạt 50%

Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin về thị trường nông sản (bao gồm công tác thống kê số liệu xuất nhập khẩu, số liệu thống kê về cung nguyên liệu trên địa bàn thành phố); kiến nghị với các Bộ ngành bổ sung và điều chỉnh các chính sách theo hướng thu hút đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm. Về lâu dài, cần quy hoạch các vùng sản xuất, nuôi trồng thích hợp, cần có sự điều phối theo nhu cầu xuất khẩu của thị trường. Đồng thời đổi mới các hình thức xúc tiến xuất khẩu thương mại, đối với các thị trường nhập khẩu lớn như Trung Quốc, Nhật, Mỹ cần tạo dựng mối quan hệ hợp tác, trao đổi giữa các nhà đầu tư để doanh nghiệp xuất khẩu TPCT tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; đối với những thị trường xuất khẩu có chính sách bảo hộ hay rào cản kỹ thuật thì thành phố cần hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ/thiết bị tiên tiến từ khâu sản xuất đến chế biến, bảo quản chất lượng nông sản để nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp với yêu cầu thị trường.

#### **4.2.2 Nhóm giải pháp cho các ngành hàng xuất khẩu chủ lực**

Đối với các ngành xuất khẩu chủ lực, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Ngành thủy sản cần tập trung thúc đẩy phát triển một số sản phẩm mới, có giá trị gia tăng cao từ cá tra như phile thịt trắng, sản phẩm có gốc EPH; phụ phẩm của ngành tôm; sản xuất các sản phẩm phù hợp để tiêu thụ ở thị trường nội địa.

- Ngành gạo xây dựng lộ trình giảm xuất khẩu gạo thô - tăng xuất khẩu gạo chất lượng cao, gạo đặc sản; sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng từ gạo; xuất khẩu gạo thương hiệu "Miss Cần Thơ".

- Ngành nông sản chế biến cần chủ động vùng nguyên liệu (gắn với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp); thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành chế biến, đóng hộp, chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ trái cây.

### **5. Kết luận**

Công nghiệp chế biến là ngành công nghiệp chủ lực và có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế của thành phố Cần Thơ nhưng có xu hướng giảm sút từ năm 2013; các mặt hàng chủ lực của thành phố như thủy sản và gạo đang phải cạnh tranh về giá khá gay gắt với Thái Lan, Ấn Độ và Indonesia và gặp khó khăn tại các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, Trung Quốc. Để tháo gỡ khó khăn và đạt được mục tiêu phát triển lĩnh vực xuất khẩu của thành phố trong dài hạn, cần xem xét định hướng tăng các sản phẩm mới và sản phẩm có giá trị gia tăng trong cơ cấu sản phẩm xuất khẩu. Cụ thể là tập trung theo hướng đổi mới sản phẩm xuất khẩu, kết hợp với việc tăng kiểm soát chất lượng nguyên liệu và chất lượng sản phẩm xuất khẩu để vừa có thể vượt qua rào cản vừa có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường; thay thế dần các sản phẩm truyền thống như cá tra, tôm chế biến thô sang chế biến tinh và chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Để thực hiện mục tiêu chuyển đổi xuất khẩu theo hướng gia tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu, trước hết TPCT và các doanh nghiệp cần phải tập trung (i) thay thế các phương thức sản xuất/công nghệ lạc hậu bằng các phương thức sản xuất/công nghệ hiện đại để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn; (ii) đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ đối với các

doanh nghiệp chế biến xuất khẩu quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu; và (iii) tạo dựng thương hiệu, nâng cao năng lực quản lý, năng lực phát triển thị trường xuất khẩu để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm xuất khẩu của TPCT (cần chú trọng thực hiện các nhóm giải pháp chung trong chỉ đạo điều hành của thành phố và nhóm giải pháp riêng cho các ngành hàng chủ lực).

### **Tài liệu tham khảo**

1. Kết quả nghiên cứu và số liệu của Đề án gia tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu TPCT gồm: tình hình kinh tế xã hội của TPCT; số liệu thứ cấp của Sở Công Thương TPCT, điều tra và phúc tra doanh nghiệp xuất nhập khẩu TPCT năm 2018, phỏng vấn chuyên gia.
2. Quy hoạch thủy sản TPCT đến năm 2015, định hướng đến 2020.
3. Võ Thị Thanh Lộc, Lê Nguyễn Đoàn Khôi, 2011. Phân tích tác động các chính sách và chiến lược nâng cấp chuỗi ngành hàng lúa gạo. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 19b: 110–121.
4. Võ Thị Thanh Lộc, Nguyễn Phú Sơn, 2011. Phân tích chuỗi giá trị lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 19a: 96–108.
5. Quan Minh Nhựt, 2013. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp-xây dựng tại Cần Thơ. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số 27 (2013): 54-60.
6. Quan Minh Nhựt và Huỳnh Văn Tùng (2015). Thực trạng và nhân tố ảnh hưởng đến mức độ đầu tư khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nông nghiệp tại thành phố Cần Thơ. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số 66(2015): 14-21.